

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

Số: 831 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 6 năm 2016

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1467

Ngày 15 tháng 6 năm 16

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016 - 2020 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Phòng TM&CN Việt Nam VCCI (p/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);
- LĐVP;
- Lưu: VT, NguyễnP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lý Thái Hải

- Ban PC -
Vinh
13.6.16

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 6 năm 2016

ĐỀ ÁN

Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 831 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

1. Sự cần thiết phải xây dựng Đề án

Cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh được coi là một trong những ưu tiên hàng đầu hiện nay của các cấp chính quyền từ Trung ương tới địa phương. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định nâng cao năng lực cạnh tranh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần quan tâm chỉ đạo. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 26/4/2016 về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Trong những năm qua, vị trí xếp hạng của Bắc Kạn trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của cả nước còn ở vị trí thấp. Điều này phản ánh thực tế Bắc Kạn đang còn có nhiều hạn chế trong cơ chế chính sách đối với môi trường đầu tư kinh doanh. Do đó, để tạo một môi trường đầu tư thông thoáng, cởi mở và minh bạch, tỉnh Bắc Kạn cần có một Chương trình hành động cụ thể để từng bước cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh. Đề án này được xây dựng hướng tới mục tiêu nhằm giảm thiểu các hạn chế cũng như tăng cường những thuận lợi của tỉnh về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Việc thực hiện hiệu quả chương trình hành động này sẽ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh Bắc Kạn, qua đó cải thiện năng lực cạnh tranh của tỉnh, hướng tới mục tiêu đưa Bắc Kạn trở thành một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư tại khu vực Đông Bắc.

Đề án nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI là cơ sở để các ngành, các cấp xây dựng và triển khai các kế hoạch, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước nhằm cải thiện chất lượng điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là việc thống nhất từ nhận thức đến hành động của các ngành, các cấp và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

2. Mục tiêu của Đề án

Đề ra các mục tiêu cụ thể về chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020. Xây dựng các giải pháp chung và các giải pháp cụ thể cho từng chỉ số thành phần; xác định rõ trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát và tổ chức thực hiện. Cải thiện các chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh qua đó cải

thiện vị trí thứ hạng của tỉnh Bắc Kạn trong bảng xếp hạng chỉ số PCI được công bố hàng năm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

3. Kết cấu của Đề án

Đề án bao gồm 4 phần như sau:

- *Phần thứ nhất:* Giới thiệu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Phần này tập trung làm rõ các nội dung: Khái niệm, phương pháp tiếp cận và quy trình xây dựng, đối tượng doanh nghiệp được điều tra, ý nghĩa và vai trò của chỉ số PCI;

- *Phần thứ hai:* Đánh giá thực trạng chỉ số PCI của tỉnh. Phần này tập trung đánh giá thực trạng chỉ số PCI của tỉnh trong 2 năm gần đây, trong đó làm rõ những mặt được, chưa được, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị;

- *Phần thứ ba:* Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới. Phần này trình bày các mục tiêu về chỉ số PCI của tỉnh năm 2016 và các năm tiếp theo và hệ thống các giải pháp, nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan để đạt được mục tiêu đề ra;

- *Phần thứ tư:* Tổ chức thực hiện.

Phần thứ nhất

GIỚI THIỆU VỀ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

I. KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ PCI

1. Khái niệm và các chỉ số thành phần

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hay còn được gọi tắt là PCI được đo lường và xếp hạng công tác điều hành kinh tế của các tỉnh dựa trên môi trường kinh doanh để thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân thông qua cảm nhận của các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

PCI được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố chính thức từ năm 2005. Việc đánh giá và xếp hạng về PCI của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước và được tính toán trên cơ sở tổng hợp của 9 chỉ số thành phần, đến năm 2015 tính bổ sung một chỉ số là "Cạnh tranh bình đẳng". Như vậy có 10 chỉ số trong đánh giá PCI. Tất cả các điểm chỉ số thành phần của PCI được chuẩn hóa: Điểm điều hành tốt nhất là 10, kém nhất là 1. PCI có thể xem như một công cụ để tham khảo giúp cho việc xem xét, rà soát, đánh giá các hoạt động điều hành kinh tế - xã hội của tỉnh, các chỉ số thành phần bao gồm:

(1). *Chi phí gia nhập thị trường:* Chỉ số thành phần này đo lường thời gian và mức độ khó, dễ mà doanh nghiệp trải qua để đăng ký kinh doanh, xin cấp đất và hoàn tất các giấy phép cần thiết để bắt đầu tiến hành hoạt động kinh doanh.

(2). *Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất:* Chỉ số thành phần này đo lường mức độ khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải trong việc tiếp cận đất đai, mặt bằng cho kinh doanh và mức độ ổn định trong sử dụng đất.

- Khía cạnh thứ nhất phản ánh tình trạng doanh nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không? có đủ mặt bằng thực hiện những yêu cầu mở rộng kinh doanh hay không? doanh nghiệp có đang thuê lại đất của doanh nghiệp nhà nước không? và đánh giá việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại địa phương.

- Khía cạnh thứ hai là đánh giá cảm nhận của doanh nghiệp về những rủi ro trong quá trình sử dụng đất (ví dụ như rủi ro từ việc bị thu hồi đất, định giá không đúng, thay đổi hợp đồng thuê đất) cũng như thời hạn sử dụng đất.

(3). *Tính minh bạch và tiếp cận thông tin*: Chỉ số thành phần này đo lường khả năng doanh nghiệp có thể tiếp cận được các kế hoạch của tỉnh và văn bản pháp lý cần thiết cho công việc kinh doanh của mình, tính sẵn có của các văn bản này, tính có thể dự đoán được của các quy định và chính sách mới, việc các quy định đó có được đưa ra tham khảo ý kiến doanh nghiệp trước khi ban hành hay không và mức độ phổ biến của trang thông tin điện tử tỉnh.

(4). *Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước*: Chỉ số thành phần này đo lường thời gian mà các doanh nghiệp phải bỏ ra khi chấp hành các thủ tục hành chính, cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan pháp luật của tỉnh thực hiện việc thanh tra, kiểm tra. Như vậy, chỉ số này đề cập đến hai khía cạnh của chi phí thời gian: thời gian giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính và thời gian làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra.

(5). *Chi phí không chính thức*: Chỉ số thành phần này đo lường mức chi phí không chính thức doanh nghiệp phải trả và những trở ngại do những chi phí này gây ra cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

(6). *Tính năng động và tiên phong*: Chỉ số thành phần này đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của tỉnh trong quá trình thực thi chính sách Trung ương cũng như trong việc đưa ra những sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Đồng thời, chỉ số này còn nhằm đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng ở những chính sách đôi khi chưa rõ ràng của Trung ương theo hướng có lợi cho doanh nghiệp.

(7). *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp*: Chỉ số thành phần này đo lường chất lượng và tính hữu ích của các chính sách của tỉnh dành cho việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh của khu vực tư nhân, việc cung cấp thông tin pháp luật cho doanh nghiệp, tìm kiếm đối tác kinh doanh... Chỉ số thành phần này nhằm đánh giá nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc trợ giúp các doanh nghiệp.

(8). *Đào tạo lao động*: Chỉ số thành phần này phản ánh mức độ và chất lượng những hoạt động đào tạo nghề và phát triển kỹ năng do tỉnh triển khai nhằm hỗ trợ cho các ngành công nghiệp địa phương cũng như tìm kiếm việc làm cho lao động địa phương.

(9). *Thiết chế pháp lý*: Chỉ số thành phần này phản ánh lòng tin của doanh nghiệp tư nhân đối với các thiết chế pháp lý của địa phương, việc doanh nghiệp có xem các thiết chế tại địa phương này như là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi mà doanh nghiệp có thể khiếu nại những hành vi vi phạm của cán bộ công quyền tại địa phương hay không.

(10). *Cạnh tranh bình đẳng*: Chỉ số thành phần này phản ánh sự bình đẳng trong các mối quan hệ, giữa các loại hình doanh nghiệp giữa các thành phần kinh tế với nhau, thể hiện sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh với thành phần kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể.

2. Quy trình xây dựng chỉ số PCI

2.1. Quy trình xây dựng chỉ số PCI:

Quy trình bao gồm 3 bước chính: Thu thập số liệu, xử lý dữ liệu để xây dựng các chỉ số thành phần, xây dựng chỉ số tổng hợp PCI.

Quá trình thu thập số liệu để xây dựng chỉ số PCI được tiến hành chủ yếu dựa trên việc điều tra doanh nghiệp trong cả nước với phương pháp điều tra gián tiếp bằng cách gửi bộ câu hỏi điều tra qua bưu điện đến các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp được chọn để gửi phiếu điều tra thông qua việc phân tổ và chọn mẫu khá khoa học từ danh sách các doanh nghiệp đang nộp thuế ở các địa phương để đảm bảo tính đại diện của mẫu điều tra.

Sau khi nhận được trả lời của doanh nghiệp, các chuyên gia xử lý số liệu thông qua việc sử dụng trợ giúp kỹ thuật của công cụ toán thống kê để giảm thiểu sai số gây ra bởi tỷ lệ phản hồi chưa cao của các doanh nghiệp. Các thông tin thu được thông qua điều tra doanh nghiệp này được sử dụng để tạo thành “dữ liệu mềm”. Ngoài những thông tin khảo sát, nghiên cứu PCI còn thu nhập số liệu thông qua xin ý kiến chuyên gia, sử dụng bộ câu hỏi so sánh, và dùng một số số liệu thống kê để tính toán một số chỉ số tạo thành “dữ liệu cứng” nhằm giúp hiệu chỉnh những sai lệch trong đánh giá của các doanh nghiệp trong tính toán một số chỉ số.

Sau khi thu thập và xử lý số liệu, việc tính toán để xây dựng chỉ số PCI được thực hiện bằng cách chuẩn hóa điểm các chỉ tiêu của 63 tỉnh/thành phố theo thang điểm 1 - 10, sau đó tính điểm số của các chỉ số thành phần, tính toán trọng số cho mỗi chỉ số thành phần và tính toán chỉ số PCI tổng hợp cuối cùng.

3. Đối tượng doanh nghiệp được điều tra

Đối tượng lấy phiếu điều tra các doanh nghiệp ngoài nhà nước với 03 loại hình: Công ty cổ phần, Công ty TNHH và Doanh nghiệp tư nhân được lựa chọn ngẫu nhiên dựa trên 03 tiêu chí: Tuổi doanh nghiệp (lấy mốc năm 2000 là năm Luật doanh nghiệp có hiệu lực thi hành). Loại hình doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty TNHH và Doanh nghiệp tư nhân). Ngành nghề kinh doanh: Lấy mẫu dựa trên 04 nhóm ngành nghề kinh doanh chính: Công nghiệp và xây dựng, dịch vụ và thương mại, nông - lâm - ngư nghiệp và khoáng sản.

4. Ý nghĩa và vai trò của chỉ số PCI

PCI là một nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện chính sách của địa phương đối với khu vực Kinh tế tư nhân (KTTN) chủ yếu dựa trên những cảm nhận của chính các doanh nghiệp dân doanh được điều tra. Chỉ số PCI không chỉ nhằm xếp hạng thứ tự các tỉnh, thành, mà tìm ra “nguyên nhân tại sao trên cùng một quốc gia, một số tỉnh lại vượt trội hơn những tỉnh khác về tốc độ tăng trưởng kinh tế và sự phát triển năng động của khu vực KTTN”.

Ý nghĩa của chỉ số PCI được thể hiện trên các khía cạnh sau:

- Chỉ số PCI đo lường chất lượng điều hành chứ không phải mức độ phát triển kinh tế địa phương. Chỉ số PCI cho phép so sánh các tỉnh, thành ở các mức độ khác nhau một cách tương đối bình đẳng.

- Chỉ số PCI đo lường chất lượng thực tế điều hành kinh tế của địa phương thông qua cảm nhận của các doanh nghiệp đang hoạt động tại tỉnh chứ không phải dựa vào các kế hoạch, chính sách hay dự định của tỉnh.

- Chỉ số PCI đo lường những chính sách thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương, qua đó thúc đẩy được các địa phương thực hiện tốt hơn; Giúp Chính phủ giám sát, đánh giá được việc thực hiện các chính sách trên thực tế.

Chỉ số PCI là công cụ có vai trò:

- Đối với địa phương: chỉ số PCI giúp hệ thống chính trị, chính quyền nhận ra được điểm mạnh, điểm yếu của mình trong công tác điều hành kinh tế, tạo áp lực thúc đẩy cải cách; chỉ ra những sáng kiến, chính sách tốt của các tỉnh để tham khảo, học hỏi; tạo động lực cho thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp; xem xét đánh giá chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước, công tác cải cách hành chính, chất lượng đội ngũ cán bộ nhằm xây dựng nền công vụ và đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư có được môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi thông qua cải cách của địa phương, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài không có nhiều thông tin về các địa phương sẽ tham khảo PCI trước khi quyết định đầu tư.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHỈ SỐ PCI TỈNH BẮC KẠN

I. XẾP HẠNG PCI CỦA TỈNH BẮC KẠN

1. Kết quả PCI tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2007 - 2015

Từ ngày tái lập tỉnh, Bắc Kạn luôn quan tâm cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp đang hoạt động và thu hút doanh nghiệp ở nơi khác đến đầu tư tại tỉnh. Kết quả chỉ số PCI của tỉnh trong giai đoạn 2007 - 2015 được thể hiện ở bảng thống kê dưới đây.

Biểu: Các chỉ số thành phần của PCI Bắc Kạn, giai đoạn 2007 – 2015

CHỈ SỐ	NĂM 2007	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2010	NĂM 2011	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015
Gia nhập thị trường	7.72	8.16	7.14	6.28	7.82	9.15	7.95	8.1	8.18
Tiếp cận đất đai	5.26	5.98	4.28	6.33	6.55	5.52	7.39	5.47	5.14
Tính minh bạch	4.1	4.33	5.25	5.27	5.3	5.98	5.62	6.19	6.17
Chi phí thời gian	3.65	4.52	4.72	5.61	6.7	4.62	6.2	6.14	6.18
Chi phí không chính thức	5.72	5.7	4.84	4.86	5.59	4.97	5.27	3.76	4.93
Tính năng động	4.3	6.74	4.87	4.56	3.25	4.07	6.11	4.38	4.24
Hỗ trợ doanh nghiệp	2.89	2.32	4.82	5.23	1.78	2.9	3.89	3.9	4.4
Đào tạo lao động	4.33	1.7	3.97	4.65	4.4	4.35	4.9	5.36	4.8

Thiết chế pháp lý	6.57	4.29	4.11	3.51	4.5	2	3.72	6.12	6.04
Cạnh tranh bình đẳng	N/A	3.01	N/A	N/A	N/A	N/A	7.49	6.52	5.28
PCI	46.47	39.78	47.5	51.49	52.71	51	53.53	53.02	53.2

* Nguồn: VCCI

Bảng xếp hạng PCI qua các năm gần đây:

Năm 2012 xếp thứ 60/63;

Năm 2013 xếp thứ 57/63;

Năm 2014 xếp thứ 59/63;

Năm 2015 xếp thứ 60/63.

Căn cứ những số liệu thống kê trên, mặc dù điểm số có cải thiện nhưng thứ hạng PCI tỉnh Bắc Kạn nhìn chung không thay đổi, vẫn ở mức thấp so với cả nước. Tuy nhiên, có những chỉ số thành phần đạt được tiến bộ như: Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường; Chỉ số tính minh bạch; Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp; Đào tạo lao động.

Nguyên nhân điểm số và thứ hạng PCI của Bắc Kạn thấp trong những năm qua đó là do một số chỉ số thành phần không được cải thiện, một số lĩnh vực có phần giảm sút như tiếp cận đất đai, chi phí không chính thức. Vì vậy, trong 3 năm liên tiếp gần đây điểm số PCI của tỉnh Bắc Kạn không tăng nhiều, thứ hạng nằm trong nhóm những tỉnh có chỉ số thấp.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Giảm chi phí gia nhập thị trường (chủ yếu liên quan đến công tác đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép kinh doanh):

Chỉ số chi phí gia nhập thị trường của tỉnh trong bốn năm gần đây, luôn ở vị trí cao ở mức trên 8 điểm. Mức điểm cao do được đánh giá cao ở chỉ tiêu về “thời gian để hoàn tất các thủ tục đăng ký doanh nghiệp và cấp giấy phép kinh doanh để bắt đầu hoạt động”.

Như vậy, có thể nói rằng thời gian thực hiện công tác đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế, khắc dấu, cấp giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn tỉnh đã duy trì được tính ổn định và có những cải thiện theo hướng tích cực thông qua việc phối hợp tốt hơn giữa các cơ quan có liên quan. Tuy nhiên, mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với chỉ số này vẫn chưa thực sự cao, các cơ quan đầu mối như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các KCN tỉnh, Cục Thuế tỉnh tiếp tục phải có những cải cách mạnh mẽ và triệt để hơn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp, công dân.

2. Về chỉ số tính minh bạch:

Chỉ số chi phí tính minh bạch năm 2007 mới đạt 4,1 điểm, năm 2014 đạt 5,62 điểm và năm 2015 tăng lên 6,17 điểm. Mức tăng lên chủ yếu nhờ các chỉ tiêu về số lượng doanh nghiệp cho rằng phải trả chi phí không chính thức giảm. Điều này phần nào đã thể hiện tình trạng “phiền hà, nhũng nhiễu” của cán bộ công chức đã giảm bằng các giải pháp chỉ đạo quyết liệt, mạnh mẽ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong những năm qua và đây cũng là một trong những đánh giá chung về PCI 2015 trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, kết quả khảo sát của Hội doanh nghiệp tỉnh cho thấy tỷ lệ số ý kiến trả lời đánh giá tốt về thái độ làm việc của các cơ quan trong

tỉnh vẫn còn thấp (không cơ quan nào vượt quá 60%), đòi hỏi tỉnh phải có những giải pháp đột phá về công tác cán bộ và trách nhiệm của người đứng đầu.

III. NHỮNG TÒN TẠI, HẠN CHẾ

Có 5 chỉ số thành phần đang ở mức độ thấp gồm:

- Tiếp cận đất đai: 5,14 điểm;
- Chi phí không chính thức; 4,93 điểm;
- Tính năng động: 4,24 điểm;
- Đào tạo lao động: 4,8 điểm;
- Hỗ trợ doanh nghiệp: 4,4 điểm.

1. Tiếp cận đất đai:

Đây là một chỉ số cứng theo số liệu thống kê mà cơ quan khảo sát thu thập được khi khảo sát PCI. Thực tế, theo tổng hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường, tỷ lệ này chỉ đạt khoảng 65%. Số liệu trên khẳng định tỷ lệ đất được cấp GCN trên địa bàn tỉnh còn thấp, việc tạo quỹ đất sạch cho nhà đầu tư còn hạn chế, không có đất sạch khi nhà đầu tư thực hiện dự án. Nguyên nhân chủ yếu do: một số lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp chưa thật sự tập trung chỉ đạo, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chưa triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp; việc đầu tư kinh phí đo đạc, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở các địa phương vẫn còn hạn chế; một số quy định của pháp luật liên quan đến cấp giấy chứng nhận chưa phù hợp thực tế.

2. Chi phí không chính thức:

Chỉ số thành phần này đo lường mức chi phí không chính thức doanh nghiệp phải trả và những trở ngại do những chi phí này gây nên cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Phần lớn các doanh nghiệp đều phàn nàn về cơ chế trong đầu tư công, trong các công trình dự án của nhà nước. Doanh nghiệp ít tin tưởng hơn vào các cơ chế tổ cáo tham nhũng của cán bộ.

3. Tính năng động và tiên phong (theo ý nghĩa của chỉ số PCI bao gồm tính tiên phong, năng động của lãnh đạo và cán bộ, công chức của tất cả các cấp, các ngành):

a) Chỉ số này năm 2015 đạt 4,24 điểm giảm 0,14 điểm so với năm 2014.

Cán bộ trong tỉnh nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khung khổ pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp thấp. Tính sáng tạo và sáng suốt của hệ thống các cấp, các ngành trong tỉnh trong việc giải quyết những trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp tư nhân có sự suy giảm.

Những số liệu trên không chỉ phản ánh trình độ, năng lực chuyên môn mà chủ yếu phản ánh thái độ, khả năng của đội ngũ cán bộ trong việc triển khai, vận dụng các quy định của pháp luật cũng như sự quan tâm dành cho doanh nghiệp. Qua kết quả khảo sát và thực tế cho thấy một số nguyên nhân dẫn đến đánh giá thấp đó là:

Lãnh đạo UBND tỉnh được đánh giá linh hoạt, năng động sáng tạo trong việc tạo môi trường kinh doanh nhưng việc thực thi chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh ở các sở, ban, ngành và cấp huyện, xã còn hạn chế. Cụ thể, khảo sát của Hội doanh nghiệp tỉnh cho thấy tỷ lệ ý kiến đánh giá tốt với Lãnh đạo UBND tỉnh là hơn 70%, đánh giá có vấn đề với các sở, ban, ngành, cấp huyện là 55%.

- Chính quyền cấp huyện và xã chưa có thái độ tích cực đối với những khó khăn của doanh nghiệp, đặc biệt là ở cấp huyện. Đa số ý kiến của doanh nghiệp được hỏi đều nhận xét lãnh đạo cấp huyện, cấp xã ít quan tâm đến doanh nghiệp, không nắm bắt được tình hình hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Thái độ trong quan hệ công tác của các sở ngành đối với doanh nghiệp vẫn còn những phản ảnh về biểu hiện gây cản trở và tiêu cực.

- Có nhiều biểu hiện CBCC còn thiếu tính quyết đoán khi xử lý công việc (*thể hiện sự thiếu quan tâm đến doanh nghiệp hoặc sợ trách nhiệm*). Chất lượng đội ngũ CBCC còn hạn chế, thiếu tích cực trong việc tu dưỡng, trau dồi nghiệp vụ chuyên môn.

Sự giảm điểm đánh giá chỉ tiêu này cho thấy rằng hệ thống các cơ quan, tổ chức chính trị trong tỉnh chưa đạt được sự thống nhất cao, đồng bộ từ cấp tỉnh xuống cấp cơ sở, từ lãnh đạo đến cán bộ trong việc nắm bắt, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp hoặc các biện pháp tháo gỡ chưa đủ mạnh, đặc biệt là đối với nhóm doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng.

4. Chỉ số Đào tạo lao động:

Chỉ tiêu này còn một số hạn chế như sau:

Doanh nghiệp vẫn đánh giá thấp chất lượng dịch vụ dạy nghề tại các cơ sở trên địa bàn tỉnh. Cơ cấu đào tạo nghề hiện nay còn có nhiều bất cập, hiện nay trên địa bàn vẫn chủ yếu đào tạo các nghề trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp hoặc những nghề phục vụ lao động tại chỗ. Các ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, những nghề phục vụ cho các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động vẫn chưa phát triển.

Các kết quả đánh giá cho thấy chất lượng công tác đào tạo và giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh còn chưa tốt, tình trạng công nhân chuyển việc khá nhiều, dẫn đến việc tuyển dụng và đào tạo lại lao động của doanh nghiệp ngày càng khó khăn và tốn kém hơn. Yêu cầu về chất lượng của doanh nghiệp ngày càng cao hơn, trong khi nguồn lực chất lượng cao không nhiều, mức lương yêu cầu của lao động ngày càng tăng và mất nhiều chi phí trung gian để tuyển dụng lao động.

5. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp:

Chỉ tiêu này còn hạn chế như sau:

Nhu cầu tìm kiếm các dịch vụ hỗ trợ tại tỉnh của doanh nghiệp giảm. Doanh nghiệp ít tin tưởng vào chất lượng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp được cung cấp bởi khu vực tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Những hạn chế trên được xác định như sau: tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, cảm nhận về môi trường kinh doanh, triển vọng phát triển kinh tế của tỉnh, của cả nước còn có nhiều khó khăn và đặc thù về cơ cấu loại hình doanh nghiệp của tỉnh (số lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nhiều) nên những nhu cầu dịch vụ nêu trên không lớn. Mặt khác, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cung cấp các dịch vụ trên cũng còn rất hạn chế cả số lượng và chất lượng. Hệ thống các chính sách khuyến khích phát triển dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhất là các dịch vụ tư vấn pháp lý, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, dịch vụ liên quan đến khoa học công nghệ,... chưa đầy đủ, đồng bộ. Việc triển khai các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của các

trung tâm có chức năng trên địa bàn tỉnh còn thiếu tính thống nhất, thiếu sự hợp tác, liên kết và hiệu quả còn thấp.

IV. NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

1.1. Mức độ am hiểu pháp luật, các quy định của nhà nước của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế dẫn đến việc thực hiện các quy định hồ sơ do các cơ quan nhà nước hướng dẫn chưa thực sự chuyên nghiệp, trong khi đó cơ chế chính sách của Nhà nước liên tục thay đổi, một số quy định theo hướng ngày càng thắt chặt và nhiều quy trình, thủ tục hơn.

1.2. Nhận thức của doanh nghiệp được lấy ý kiến về chỉ số PCI chưa phản ánh hết thực chất năng lực cạnh tranh của địa phương. Tính đại diện, ý thức trả lời của một số ít doanh nghiệp còn chưa thực sự khách quan.

1.3. Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế dẫn đến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn nên dẫn đến tâm lý tiêu cực hơn khi trả lời các câu hỏi khảo sát PCI.

2. Nguyên nhân chủ quan

2.1. Nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp chưa đầy đủ về nội dung, mục đích, ý nghĩa của việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Trong những năm qua một số cơ quan nhà nước còn chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực cạnh tranh, một số người đứng đầu chưa thực sự quyết tâm trong việc cải thiện, nâng cao chất lượng cải cách hành chính nhà nước, trong khi đó đòi hỏi của doanh nghiệp, nhân dân về chất lượng điều hành của tỉnh ngày càng cao hơn trước đây.

2.2. Chưa xây dựng được một chương trình, kế hoạch và giải pháp hành động tổng thể, cũng như công tác kiểm tra, đánh giá việc cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh. Nhiều cơ quan, đơn vị vẫn còn coi nhẹ chỉ số PCI, chưa xây dựng kế hoạch thực hiện liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình.

2.3. Tính tiên phong, năng động của lãnh đạo các ngành, các cấp còn chưa cao, chưa đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. Lãnh đạo một số sở, ban, ngành, đặc biệt là ở cấp huyện và cấp xã chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo và điều hành, còn có những biểu hiện sợ trách nhiệm, thiếu quyết đoán, thực hiện thủ tục hành chính còn mất nhiều thời gian. Chất lượng, trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức còn chưa cao, nhất là trong công tác tham mưu, đề xuất giải quyết những công việc phức tạp; còn có những biểu hiện tiêu cực trong giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp. Việc chấp hành kỷ cương quản lý nhà nước ở một số cơ quan, tổ chức còn chưa nghiêm túc. Đây được xác định là nguyên nhân trọng yếu, nguồn gốc của việc sụt giảm chỉ số PCI.

2.4. Công tác cải cách hành chính vẫn còn bất cập, nhất là việc xây dựng các hồ sơ, tài liệu, biểu mẫu hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính chưa được thực hiện tốt. Chế độ báo cáo, giám sát thực hiện các nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị còn nhiều hạn chế, không kịp thời.

2.5. Tỉnh mới tập trung vào công tác thu hút đầu tư, đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp mà chưa chú trọng nhiều vào việc hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư sau cấp phép. Các dịch vụ phát triển doanh nghiệp còn chậm phát triển. Chất lượng

đào tạo lao động và giới thiệu việc làm chưa đáp ứng được yêu cầu ngày một cao của doanh nghiệp.

2.6. Việc cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, công khai các văn bản, các cơ chế, chính sách của tỉnh vẫn còn bất cập, chưa được quan tâm đúng mức và thiếu sự kiểm tra, đôn đốc thường xuyên. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh chưa đồng bộ, việc ứng dụng công nghệ thông tin để xử lý công việc và triển khai ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế.

2.7. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn và phức tạp; các cấp, các ngành chưa quyết liệt trong việc đẩy nhanh tiến độ cấp GCNQSDĐ, đặc biệt ở cấp huyện; việc xác định giá đất cụ thể còn có bất cập, giá đất một số khu vực đã được điều chỉnh giảm nhưng vẫn còn cao so với khả năng tài chính và kỳ vọng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

2.8. Công tác thanh tra, kiểm tra của các ngành, các cấp chưa có sự tập trung, còn dàn trải dẫn đến có nhiều doanh nghiệp phải mất thời gian tiếp và làm việc, gây ra phản ứng không tốt trong cộng đồng doanh nghiệp.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Xây dựng môi trường kinh doanh của tỉnh thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

1.2. Cải thiện hình ảnh của Bắc Kạn là một tỉnh năng động về cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư đối với cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, tạo động lực để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và những năm tiếp theo.

1.3. Nâng cao chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu trong thời gian tới.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2016 - 2020, từng bước cải thiện điểm các chỉ số thành phần, tăng dần vị trí xếp hạng và điểm số PCI của tỉnh, phấn đấu đến năm 2020 nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành “khá”.

II. YÊU CẦU

1. Tạo được sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ công chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của chỉ số PCI; về trách nhiệm của các cấp, các ngành và cán bộ công chức trong việc nâng cao thứ bậc xếp hạng PCI của tỉnh.

2. Các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo quyết liệt bằng nhiều giải pháp đồng bộ để cải thiện vị trí trên bảng xếp hạng PCI, thông qua việc duy trì những chỉ số thành phần có vị trí cao, tăng bậc và cải thiện các chỉ số thành phần có vị trí xếp hạng thấp như: tính minh bạch và tiếp cận thông tin, tính năng động và tiên phong, tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất của doanh nghiệp.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai đồng bộ, có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ; Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các chỉ đạo của UBND tỉnh trong phát triển kinh tế, tập trung ở những nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, phát triển đồng bộ và đa dạng các loại thị trường theo Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 22/01/2015 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 103-KL/TW của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa X) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 04/6/2015 về việc triển khai Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các đột phá chiến lược, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm, của doanh nghiệp và của nền kinh tế tỉnh Bắc Kạn.

+ Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá; tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyên giao tiến bộ kỹ thuật gắn với sản xuất, bảo quản sau thu hoạch. Thành lập mới các hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực nông lâm nghiệp. Chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp nêu tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/4/2016 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/4/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

+ Phát triển công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ, giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh: Sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, chế biến sâu khoáng sản,...

+ Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo cơ chế thị trường. Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ cao.

+ Phát triển những ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao; đầu tư, phát triển khu du lịch Ba Bể trở thành trung tâm du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc gia.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Rà soát các thủ tục hành chính, tạo mọi thuận lợi và giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân, nhất là thủ tục hành chính có liên quan đến chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp tại Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 26/4/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020, trong đó tập trung chỉ đạo:

+ Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan nhà nước.

+ Công khai, minh bạch thủ tục hành chính, thời gian giải quyết trên mạng Internet và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính. Bố trí sắp xếp cán bộ, công chức có năng lực, có trách nhiệm trong hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ sớm tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính.

+ Thực hiện có hiệu quả các chương trình phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong thực hiện nhiệm vụ; phát hiện và xử lý nghiêm những cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây cản trở cho tổ chức, cá nhân khi thi hành công vụ.

- Đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số thành phần

2.1 Sở Kế hoạch & Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương:

- Vận hành trang thông tin điện tử Xúc tiến đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư một cách đầy đủ và khoa học hơn nhằm giảm chi phí tìm hiểu thông tin khi gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Nội dung trang tin quảng bá về môi trường kinh doanh, thông tin về các dự án kêu gọi đầu tư, chương trình đối thoại doanh nghiệp và giải đáp các kiến nghị của nhà đầu tư.

- Sử dụng hiệu quả hơn các website chuyên ngành để tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật. Có kênh riêng (email, đường dây nóng dành cho doanh nghiệp, giao lưu trực tuyến...) để tiếp nhận ý kiến đóng góp, phản hồi của doanh nghiệp đối với công tác quản lý và phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh Bắc Kạn.

- Công khai hóa các thủ tục hành chính, cụ thể hóa các bước trong quá trình đăng ký đầu tư, thẩm định đầu tư, cấp GCN đăng ký đầu tư, thủ tục thu hồi, giao đất đối với các dự án sử dụng đất...

- Triển khai áp dụng hình thức đăng ký doanh nghiệp trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

- Phổ biến quy chế quản lý các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh cá thể sau đăng ký kinh doanh nhằm hạn chế việc thanh, kiểm tra của các cơ quan chức năng đối với các doanh nghiệp.

- Rà soát các dự án đầu tư đã được cấp phép nhưng chưa được triển khai. Giải quyết dứt điểm vấn đề của từng nhóm dự án. Công bố kết quả xử lý trên trang thông tin điện tử để cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư được biết. Xây dựng thí điểm hình thức hỗ trợ cả gói cho doanh nghiệp, bao gồm về thủ tục hành chính, lao động, khoa học công nghệ đối với các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh Bắc Kạn.

- Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư năm 2014, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư,...cho các chủ đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phổ biến thông tin Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện, công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh & Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh xây dựng cơ chế liên thông chia sẻ thông tin về doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 03/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2.2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

2.3. Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Cải tiến quy trình, hồ sơ, thủ tục nộp thuế, rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục khai thuế, nộp thuế (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) xuống còn dưới 119 giờ.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư rút ngắn thời gian cấp mã số thuế cho doanh nghiệp (cấp mã số thuế trong ngày) theo quy định.

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tối thiểu đạt 95% trong nộp tờ khai, nộp thuế, hoàn thuế.

2.4. Bảo hiểm xã hội tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Rà soát, đơn giản hồ sơ, quy trình, thủ tục kê khai thu và chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; triển khai ứng dụng phần mềm hỗ trợ kê khai hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

2.5. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Tham mưu, xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp phụ trợ,...; có chính sách thu hút, phát triển các cụm công nghiệp theo quy hoạch.

- Phối hợp với Công ty Điện lực Bắc Kạn triển khai thực hiện các giải pháp giảm bớt thủ tục, thời gian và chi phí tiếp cận điện năng cho các doanh nghiệp tối đa 36 ngày.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ; Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách đẩy mạnh và khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ.

2.7. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương

- Công bố công khai, minh bạch quy hoạch sử dụng đất đai 2010-2020, Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2015-2020 của 3 cấp tỉnh, huyện, xã tại trụ sở UBND, trên các trang thông tin của tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đẩy mạnh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) cho các tổ chức đã đủ điều kiện; rà soát các đơn vị chưa đủ điều kiện để có thể tư vấn và hỗ trợ hoàn thành thủ tục theo quy định.

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương phù hợp với tình hình, điều

kiện thực tế; rà soát cắt giảm thủ tục hành chính theo hướng nhanh gọn, đảm bảo đúng quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Phối hợp với các ngành liên quan, chính quyền địa phương thực hiện việc định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin giá đất thị trường tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, điều chỉnh Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm, phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổ chức thực hiện việc lập, điều chỉnh, công bố công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; hướng dẫn các địa phương thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm và trình cấp thẩm quyền phê duyệt, công bố theo quy định.

- Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường nhằm cung cấp thông tin chính xác và nhanh nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại Bắc Kạn.

2.8. Sở Tư pháp chủ trì:

- Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND tỉnh ban hành nhằm kịp thời phát hiện những văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức giới thiệu, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật của Tỉnh ban hành liên quan đến hoạt động doanh nghiệp.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị tuân thủ các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, quy trình soạn thảo và nội dung ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

- Củng cố vai trò của Đoàn luật sư, các Phòng công chứng, các tổ chức tư vấn pháp lý trong việc hỗ trợ và tư vấn pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.9. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Thực hiện chương trình đào tạo cán bộ công chức, viên chức về việc xử lý các thủ tục hành chính nhằm nâng cao năng lực cán bộ để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước.

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận một cửa, một cửa liên thông của các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

- Tham mưu cho UBND tỉnh đánh giá xác định và công bố chỉ số cải cách hành chính hàng năm trên địa bàn tỉnh;

2.10. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương

- Tiếp tục rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh kiến nghị với Bộ ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới, hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật, hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực xây dựng.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục, nội dung hồ sơ, đơn giản quy trình và rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng xuống còn không quá 30 ngày; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế một cửa liên thông trong công tác cấp giấy phép xây

dụng theo quy định Luật Xây dựng trong quý II/2016; thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cấp phép xây dựng.

- Tăng cường công tác công bố, công khai quy hoạch xây dựng theo phân cấp, thực hiện công bố quy hoạch xây dựng, đô thị trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của Sở và của địa phương.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035 theo quy định.

2.11. Sở Lao động – Thương binh & Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Rà soát, đánh giá và thực hiện các giải pháp tạo thuận lợi hơn cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp; Tổ chức các hội chợ việc làm; phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề trong công tác đào tạo và dạy nghề cho lao động, đặc biệt là lao động nông thôn.

- Tổ chức đánh giá hàng năm về nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua cuộc điều tra nhu cầu lao động hàng năm do Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với UBND các huyện, thành phố thực hiện; chỉ đạo các Trung tâm dạy nghề trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo lao động nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp và nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp. Tổ chức hội chợ việc làm hàng năm.

2.12. Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn: chủ động nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp và nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp.

2.13. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến hướng tới xây dựng Chính phủ điện tử theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào nhiệm vụ giải pháp nêu tại Đề án này, các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện cụ thể; Phân công người chịu trách nhiệm và đăng ký tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án. Thời gian hoàn thành trong quý III năm 2016.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Đối với báo cáo quý gửi vào ngày 25 của tháng cuối quý, báo cáo 6 tháng gửi vào ngày 25 của tháng 6, báo cáo năm gửi vào ngày 20 tháng 12.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện Đề án trong quý III năm 2016. UBND các huyện, thành phố tổ chức quán triệt và triển khai đến Bí thư, Chủ tịch UBND cấp xã, hoàn thành trong quý III năm 2016.

3. Hàng năm, các cấp, ngành phải có báo cáo đánh giá về trách nhiệm của ngành mình, cấp mình, của người đứng đầu đối với các chỉ số thành phần được VCCI công bố, nhất là các chỉ số sụt giảm, đồng thời phải đề xuất các giải pháp cải thiện.

4. Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh phổ biến Đề án tới hội viên và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tích cực hợp tác, tăng cường đối thoại, cung cấp thông tin cho Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh góp phần xây dựng bộ máy hành chính quản lý nhà nước, chính quyền thân thiện.

5. Ban Chỉ đạo về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các các Sở, Ban, ngành, các địa phương thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và kịp thời khen thưởng, tuyên dương các tổ chức, cá nhân có các đóng góp tích cực, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; Xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề việc thực hiện Đề án 06 tháng/lần.

6. Sở Tài chính chỉ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các nội dung Đề án.

7. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện Đề án. Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án có khó khăn vướng mắc các đơn vị báo cáo kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

